

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CÔNG TY ĐẠI CHÚNG
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng
Năm báo cáo: 2021

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng.
- Giấy Chứng nhận ĐKDN số 0200493225 do Sở KH&ĐT thành phố Hải Phòng cấp ngày 01/07/2021 (thay đổi lần 8).
- Vốn điều lệ: 5.000 tỷ đồng.
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 6.226,19 tỷ đồng
- Địa chỉ: Thôn Đoàn, xã Tam Hưng, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.
- Điện thoại: 0225. 3775.161.
- Fax: 0225.3775.162.
- Website: <http://www.ndhp.com.vn>.
- Mã cổ phiếu: HND.

2. Quá trình hình thành và phát triển

- Thực hiện chủ trương thay đổi cơ chế quản lý kinh tế của các công ty, doanh nghiệp Nhà nước, trong đó có các công ty phát điện. Ngày 30/7/2002, Văn phòng Chính phủ đã có Thông báo số 129/TB-VPCP nêu ý kiến của Phó Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng cho phép thành lập Công ty cổ phần có vốn của doanh nghiệp Nhà nước để đầu tư Dự án Nhà máy Nhiệt điện Hải Phòng.
- Tháng 9/2002, Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản, Tổng Công ty Bảo Việt, Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam và Tổng Công ty XNK Xây dựng Việt Nam (Vinaconex) đã đi đến thống nhất thành lập Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng để đầu tư xây dựng Nhà máy Nhiệt điện.
- Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng được thành lập ngày 17/9/2002 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203000279 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp. Theo đó, Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng hoạt động theo Luật Doanh nghiệp gồm 05 cổ đông sáng lập, với tổng vốn điều lệ là 3.000 tỷ đồng của các đơn vị góp vốn:
 - + Tập đoàn Điện lực Việt Nam: 77,5%.
 - + Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam: 10%.
 - + Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam: 2,5%.

- + Tổng Công ty Xuất nhập khẩu xây dựng Việt Nam (Vinaconex): 5%.
- + Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam (Lilama): 5%.
- Thực hiện tổng sơ đồ phát triển điện lực Việt Nam giai đoạn 2001 - 2010 (Quy hoạch điện V), bù đắp sự thiếu hụt công suất của hệ thống điện tại khu vực phía Bắc, Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng được Thủ tướng Chính phủ giao làm chủ đầu tư Dự án Nhà máy Nhiệt điện Hải Phòng theo Quyết định số 1186/QĐ-TTg ngày 13/12/2002, đồng thời, Công ty tiếp tục được Thủ tướng giao làm chủ đầu tư Dự án Nhiệt điện Hải Phòng 2 theo Quyết định số 1195/QĐ-TTg ngày 09/11/2005.
- Đề đầu tư xây dựng dự án Nhà máy Nhiệt điện Hải Phòng 2, ngày 09/01/2008, Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng được tổ chức tại Hà Nội đã thông qua việc tăng vốn điều lệ, cụ thể như sau:
 - + Vốn điều lệ đã đăng ký: 3.000.000.000.000 đồng
 - + Vốn điều lệ thay đổi: 5.000.000.000.000 đồng
 - + Thời điểm thay đổi vốn: Tháng 2/2008
 - + Mục đích thay đổi vốn: Đề đầu tư xây dựng dự án Nhà máy Nhiệt điện Hải Phòng 2.
 - + Hình thức tăng vốn: Các cổ đông góp vốn bổ sung.
- Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 138/TTg-ĐMDN ngày 03/02/2012 về việc thành lập các Tổng công ty phát điện trực thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam, ngày 01/6/2012 Bộ Công thương đã ban hành Quyết định số 3024/QĐ-BCT về việc thành lập Công ty mẹ - Tổng Công ty Phát điện 2 (EVNGENCO 2). Theo đó, Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng là doanh nghiệp do EVNGENCO 2 nắm giữ 51% vốn điều lệ.
- Hiện nay, Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng trở thành Công ty đại chúng được UBCKNN chấp thuận tại văn bản số 716/UB-QLPH ngày 24/02/2014.
- Ngày 05/10/2016, Cổ phiếu của Công ty cổ phần nhiệt điện Hải Phòng chính thức giao dịch trên sàn chứng khoán Upcom với mã cổ phiếu HND.

3. Ngành nghề kinh doanh:

- a. Sản xuất, truyền tải và phân phối điện.
Chi tiết: Sản xuất điện; truyền tải và phân phối điện.
- b. Xây dựng công trình công ích.
Chi tiết: Thi công, lắp đặt, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa, cải tạo đường dây và trạm biến áp đến 220KV.
- c. Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.
Chi tiết: Xây dựng, sửa chữa, bảo dưỡng, cải tạo công trình nhiệt điện, công trình kiến trúc của nhà máy nhiệt điện.
- d. Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét.
- e. Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ bán buôn vàng miếng).
- f. Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác.

Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện).

g. Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông.

h. Kiểm tra và phân tích kỹ thuật.

Chi tiết: Thí nghiệm, hiệu chỉnh các thiết bị điện.

i. Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu.

Chi tiết: Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại.

j. Sửa chữa máy móc, thiết bị.

k. Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học.

l. Sửa chữa thiết bị điện.

m. Giáo dục nghề nghiệp.

Chi tiết: Đào tạo dạy nghề quản lý thiết bị, vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị nhà máy điện.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Cơ cấu tổ chức theo cấp quản lý:



Ngày 28/12/2012, Tập đoàn Điện lực Việt Nam đã có Biên bản bàn giao điều hành cho EVNGENCO 2. Theo đó, từ ngày 01/01/2013, EVNGENCO 2 có quyền điều hành đối với các đơn vị trực thuộc, các công ty con, công ty liên kết thuộc EVNGENCO 2, trong đó có Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng.

- Một số thông tin giới thiệu về Tổng Công ty Phát điện 2:

+ Tên gọi tiếng Việt: Tổng Công ty Phát điện 2.

+ Tên giao dịch tiếng Anh: POWER GENERATION CORPORATION 2.

+ Tên viết tắt bằng tiếng Anh: EVNGENCO 2.

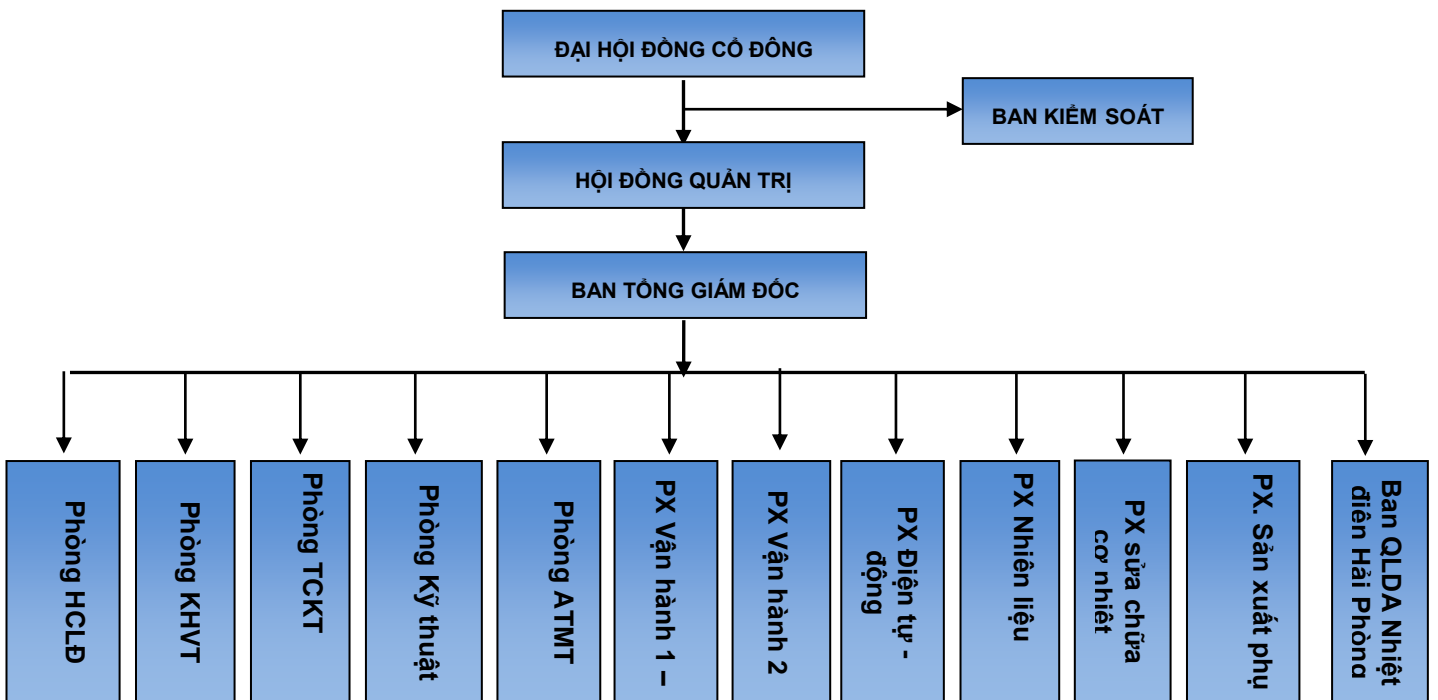
+ Vốn điều lệ: 10.677 tỷ đồng.

+ Trụ sở chính: Số 01 đường Lê Hồng Phong, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

+ Giấy Chứng nhận ĐKKD số 1800590430 do Sở KH&ĐT TP.Cần Thơ cấp ngày 19/11/2012.

- Mô hình quản trị: Công ty được tổ chức theo mô hình công ty Cổ phần, đứng đầu là Đại hội đồng cổ đông; Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát; Ban điều hành đứng đầu là Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc.

- Cơ cấu bộ máy quản lý đến ngày 31/12/2021:



5. Định hướng phát triển

a) Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Đảm bảo vận hành các tổ máy an toàn, liên tục và hiệu quả, cung ứng điện cho nền kinh tế hàng năm từ 6-7,5 tỷ kWh.

- Bảo toàn và phát triển vốn của các cổ đông.
- Đầu tư, nâng cao chất lượng cải thiện môi trường, hướng tới sự phát triển bền vững.
- Nâng cao đời sống vật chất, văn hoá tinh thần cho người lao động.

b) Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Duy trì các tổ máy phát điện an toàn, hiệu quả và đảm bảo môi trường.
- Sửa chữa, bảo dưỡng nhằm duy trì phát điện ổn định các tổ máy.
- Đảm bảo cổ tức cho các cổ đông.
- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp theo hướng chuyên nghiệp hiện đại.

- Xây dựng các định mức chi phí, chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật.

- Tiết kiệm chi phí.

c) Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty.

- Tiếp tục đầu tư, nâng cao chất lượng cải thiện môi trường, đảm bảo môi trường thân thiện.

- Tham gia và ủng hộ tích cực các hoạt động của xã hội của cộng đồng.

6. Các rủi ro:

- Rủi ro cạnh tranh phát điện trên thị trường điện, giữa các nhà máy nhiệt điện với Nhiệt điện, giữa các nhà máy nhiệt điện với thủy điện, giữa các nhà máy nhiệt điện và các nhà máy điện mặt trời, gió.

- Các vật tư sửa chữa chủ yếu vẫn phải nhập khẩu do vậy tác động tỷ giá tăng ảnh hưởng đến chi phí.

- Do chủng loại than đã có nhiều thay đổi so với thiết kế ban đầu, cộng với nhiệt độ nước tuần hoàn đầu vào tăng làm tăng suất tiêu hao nhiệt các tổ máy.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2021, tình hình cung cấp điện cho phát triển kinh tế - xã hội của ngành Điện nhìn chung không thuận lợi, có nhiều diễn biến phức tạp do dịch bệnh, thiên tai.

Mặc dù vậy, Công ty đã vận hành ổn định hai nhà máy, theo đó tổng sản lượng điện sản xuất của hai nhà máy đạt 7,32 tỷ kWh, đạt 102,29% kế hoạch giao.

Doanh thu đạt 101% kế hoạch; lợi nhuận trước thuế 479,6 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế là 455,4 tỷ đồng.

Lũy kế sản lượng điện phát của Công ty đến hết 9/4/2022 đạt 68,57 tỷ kWh.

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021		
		Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ % so KH
1. SLĐ sản xuất (tr.kW)	7.265,15	7.159,00	7.323,14	102,29
2. SLĐ thương phẩm (tr.kW)	6.609,81	6.503,95	6.652,86	102,29
3. Tổng doanh thu	10.947.898	8.978.807	9.106.615	101
- Doanh thu SXKD điện (tr.đồng)	10.900.258	8.959.628	9.026.540	101
- Doanh thu Hoạt động tài chính (tr. đồng)	43.910	15.000	75.103	501
- Doanh thu khác (tr. đồng)	3.730	4.179	4.973	119
4. Tổng chi phí (tr. đồng)	9.409.850	8.768.413	8.626.958	98
- Chi phí SXKD điện (tr.đồng)	9.376.662	8.762.341	8.621.131	98
- Chi phí Hoạt động tài chính (tr. đồng)	27.015	0	0	0
- Chi phí khác (tr. đồng)	6.173	6.072	5.826	96
5. Lãi/ Lỗ trước thuế (tr.đồng)	1.538.048	210.394	479.658	228
- SXKD điện (tr.đồng)	1.523.596	197.287	405.408	205
- Hoạt động tài chính	16.895	15.000	75.103	501
- Khác (tr. đồng)	-2.443	-1.893	-853	45
6. Lợi nhuận sau thuế (tr.đồng)	1.469.804	199.874	455.432	228

2. Tổ chức và nhân sự

- **Danh sách Ban điều hành và Cán bộ quản lý Công ty đến ngày 31/12/2021:**

TT	Họ và tên	Chức danh	Ghi chú
1.	Tạ Công Hoan	Chủ tịch HĐQT	
2.	Lê Minh Tuấn	Thành viên HĐQT chuyên trách	
3.	Nguyễn Thường Quang	Tổng Giám đốc	Nghỉ hưu từ tháng 7/2021

TT	Họ và tên	Chức danh	Ghi chú
4.	Dương Sơn Bá	Tổng Giám đốc	Từ tháng 7/2021
5.	Lê Anh Tân	Phó Tổng Giám đốc	
6.	Nguyễn Minh Thành	Phó Tổng Giám đốc	
7.	Phạm Quốc Toàn	Kế toán trưởng	
8.	Trần Hồng Vương	Trưởng phòng HCLĐ	
9.	Nguyễn Huy Đông	Phó phòng HCLĐ	
10.	Nguyễn Kim Thịnh	Phó phòng HCLĐ	
11.	Đào Văn Kiên	Phó phòng HCLĐ	
12.	Nguyễn Xuân Đặng	Trưởng phòng KHVT	
13.	Đặng Anh Huy	Phó phòng KHVT	
14.	Trần Thanh Huy	Phó phòng KHVT	
15.	Đỗ Ngọc Hình	Trưởng phòng Kỹ thuật	
16.	Nguyễn Việt Anh	Phó phòng Kỹ thuật	
17.	Trần Đức Văn	Phó phòng Kỹ thuật	
18.	Cao Xuân Như	Trưởng phòng ATMT	
19.	Cao Bắc Ninh	Phó phòng ATMT	
20.	Trần Xuân Trường	Quản đốc PX. Vận hành 1	
21.	Hoàng Đức Thân	Phó Quản đốc PX. Vận hành 1	
22.	Phạm Văn Luân	Phó Quản đốc PX. Vận hành 1	
23.	Trần Văn Tiến	Quản đốc PX. Điện - Tự động	
24.	Mai Ngọc Thành	Phó Quản đốc PX. Điện - Tự động	
25.	Trần Quang Trung	Phó Quản đốc PX. Điện - Tự động	
26.	Đỗ Văn Hải	Quản đốc PX. Nhiên liệu	Nghỉ hưu tháng 9/2021
27.	Hồ Văn Thuận	Phó Quản đốc PX. Nhiên liệu	
28.	Tổng Hồng Tuấn	Phó Quản đốc PX. Nhiên liệu	
29.	Vũ Xuân Tiệp	Quản đốc PX.SCCN	
30.	Mạc Văn Bắc	Phó Quản đốc PX.SCCN	
31.	Nguyễn Quốc Việt	Phó Quản đốc PX.SCCN	
32.	Nguyễn Chí Thành	Quản đốc PX. Vận hành 2	
33.	Ngô Hồng Phong	Phó Quản đốc PX. Vận hành 2	
34.	Nguyễn Mạnh Hùng	Phó Quản đốc PX. Vận hành 2	
35.	Phạm Thanh Hương	Quản đốc PX. Sản xuất phụ	
36.	Phạm Đức Tự	Phó Quản đốc PX. Sản xuất phụ	
37.	Bùi Mạnh Hùng	Phó Quản đốc PX. Sản xuất phụ	
38.	Vũ Đình Kiên	Phó phụ trách Ban quản lý dự án Nhiệt điện Hải Phòng 1	

- Tóm tắt lý lịch Ban điều hành:

1) Ông Tạ Công Hoan:

- Chức danh hiện tại: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng.
- Sinh ngày: 03/11/1969
- Quê quán: Từ Sơn, Bắc Ninh.
- Địa chỉ thường trú: Nhà số 14/135/48, Nguyễn Văn Cừ, Long Biên, Hà Nội.
- Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Không
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Quản trị doanh nghiệp, Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội, tốt nghiệp năm 2002.
- Trình độ ngoại ngữ: Tiếng Anh trình độ C.
- Trình độ lý luận chính trị: Cao cấp.
- Ngày vào Đảng Cộng sản Việt Nam: 20/9/2002. Ngày chính thức: 20/9/2003.

- Quá trình công tác:

- ✓ Từ 10/1993 - 12/1995: Kỹ thuật viên sửa chữa điện, Xí nghiệp thi công cơ giới số 17 (Sao Đỏ, Chí Linh, Hải Dương).
- ✓ Từ 01/1996 - 8/2001: Cán bộ Phòng Kinh tế - Kế hoạch, Ban Quản lý dự án Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại 2.
- ✓ Từ 9/2001 - 10/2002: Cán bộ Phòng Kế hoạch Vật tư Nhà máy Điện Phả Lại.
- ✓ Từ 11/2002 - 7/2004: Cán bộ Phòng Kỹ thuật - Kế hoạch - Vật tư, Công ty CP Nhiệt điện Hải Phòng.
- ✓ Từ 3/2003 - 7/2004: Kiêm nhiệm nhiệm vụ Thư ký Hội đồng quản trị Công ty CP Nhiệt điện Hải Phòng.
- ✓ Từ 8/2004 - 6/2006: Phó phòng phụ trách Phòng Kế hoạch Vật tư Công ty CP Nhiệt điện Hải Phòng.
- ✓ Từ 7/2006 - 11/2016: Trưởng phòng Kế hoạch Vật tư Công ty CP Nhiệt điện Hải Phòng.
- ✓ Từ 12/2016 - 30/5/2017: Quản đốc Phân xưởng Nhiên liệu Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng.
- ✓ Từ 6/2017 - 27/12/2018: Phó Tổng Giám đốc, Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng, Giám đốc Ban Quản lý dự án NĐ Hải Phòng 1&2 (trong đó, từ 6/2017 - 14/8/2018, kiêm nhiệm Quản đốc Phân xưởng Nhiên liệu).
- ✓ Từ 28/12/2018 đến nay: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng.

2) Ông Lê Minh Tuấn

- Chức danh hiện tại: Thành viên HĐQT chuyên trách Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng.
- Sinh ngày: 22/4/1974
- Quê quán: Quảng Nam - Đà Nẵng.
- Địa chỉ thường trú: 11-12B, Block A3, ERA TOWN, Đường 15B, phường Phú Mỹ, Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh.
- Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Không
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kỹ thuật, Thạc sỹ Quản trị kinh doanh.

- Trình độ ngoại ngữ: Tiếng Anh IELTS 6.0.
- Trình độ lý luận chính trị: Cao cấp.
- Ngày vào Đảng Cộng sản Việt Nam: 14/02/2011. Ngày chính thức: 14/02/2012.
- **Quá trình công tác:**
- ✓ Từ 7/1996 đến 7/1997: Kỹ sư thiết kế trạm điện, Công ty TNHH MAPRO TP HCM
- ✓ Từ 8/1997 đến 6/1999: Trưởng ca tập sự, Nhà máy TĐ Trị An
- ✓ Từ 7/1999 đến 3/2004: Trưởng ca, Nhà máy TĐ Trị An
- ✓ Từ 4/2004 đến 9/2008: Phó Quản đốc, Nhà máy TĐ Trị An
- ✓ Từ 10/2008 đến 2/2009: Phó phòng Kỹ thuật, Nhà máy TĐ Trị An
- ✓ Từ 3/2009 đến 11/2009: Trưởng phòng Kỹ thuật, Công ty CP TĐ Thác Mơ
- ✓ Từ 12/2009 đến 4/2017: Phó Tổng Giám đốc, Công ty CP TĐ Thác Mơ
- ✓ Từ 5/2013 đến nay: Ủy viên HĐQT, Công ty CP TĐ Thác Mơ
- ✓ Từ 5/2017 đến 11/2020: Tổng Giám đốc, Công ty CP TĐ Thác Mơ
- ✓ Từ 12/2020 đến nay: Thành viên HĐQT chuyên trách Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng

3) Ông Dương Sơn Bá

- Họ và tên khai sinh: Dương Sơn Bá
- Sinh ngày: 20/01/1968
- Chức danh hiện tại: Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng.
- Quê quán: xã Hưng Phúc, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An.
- Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Không.
- Trình độ văn hóa: 12/12.
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Nhiệt điện, Đại học Bách khoa Hà Nội, hệ chính quy; Cử nhân QTKD, Đại học Bách khoa Hà Nội, tốt nghiệp tháng 6/2012.
- Trình độ ngoại ngữ: Tiếng Anh trình độ C.
- Trình độ lý luận: Cao cấp.
- Ngày vào Đảng: ngày 19/4/2002, Ngày chính thức: 19/4/2003.
- **Quá trình công tác:**
- ✓ Từ tháng 4/1994 - 9/1998: Kỹ sư Nhà máy điện, Công ty phân đạm và hóa chất Hà Bắc.
- ✓ Từ 10/1998 - 4/2000: Kỹ sư Phòng Kỹ thuật, Ban QLDA Phả Lại 2.
- ✓ Từ 5/2000 - 10/2001: Kỹ sư Phòng Kỹ thuật, Ban CBSX, Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại 2.
- ✓ Từ 11/2001 - 10/2002: Kỹ thuật viên Phòng Kỹ thuật, Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại.
- ✓ Từ 11/2002 - 8/2006: Kỹ sư Phòng Kỹ thuật, Công ty CP Nhiệt điện Hải Phòng.
- ✓ Từ 9/2006 - 5/2009: Phó phòng Kỹ thuật, Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng.
- ✓ Từ 5/2009 - 9/2009: Phó phòng Phụ trách Phòng Kỹ thuật, Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng.

- ✓ 27/12/2018 - 30/6/2021: Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng.

5) Ông Lê Anh Tân:

- Họ và tên khai sinh: Lê Anh Tân Sinh ngày: 14/7/1978
- Quê quán: Lê Hóa, Tuyên Hóa, Quảng Bình.
- Nơi ở hiện nay: P.508-C4 khu tập thể Trung Tự, Đống Đa, Hà Nội.
- Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Không
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Điện tử - Viễn thông, Trường Đại học Bách khoa Hà Nội; Thạc sỹ QTKD, Trường Đại học Bách khoa Hà Nội, tốt nghiệp năm 2011.
- Trình độ lý luận chính trị: Trung cấp.
- Trình độ ngoại ngữ: Anh văn C
- Ngày vào Đảng Cộng sản Việt Nam: 06/3/2017. Ngày chính thức: 06/3/2018.
- **Quá trình công tác:**

- ✓ Từ 9/2002 - 8/2003: Kỹ sư vận hành hệ thống điều khiển tự động tại Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam tại thành phố Hồ Chí Minh.
- ✓ Từ 9/2003 - 10/2016: Chuyên viên Phòng Kỹ thuật, Trung tâm Công nghệ thông tin - Tập đoàn Điện lực Việt Nam.
- ✓ Từ 16/10/2016 - 30/6/2020: Phó Trưởng phòng, Trưởng phòng Văn thư lưu trữ, Văn phòng Tập đoàn Điện lực Việt Nam.
- ✓ Từ 01/7/2020 - đến nay: Phó Tổng Giám đốc, Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng.

6) Ông Nguyễn Minh Thành:

- Họ và tên: Nguyễn Minh Thành Sinh ngày: 16/12/1982
- Quê quán: Tiên Phong, Vĩnh Bảo, Hải Phòng.
- Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Không
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Kế toán, Đại học Kinh tế Quốc dân (Hệ chính quy).
- Trình độ lý luận chính trị: Cao cấp.
- Trình độ ngoại ngữ: Tiếng Anh trình độ C.
- Ngày vào Đảng Cộng sản Việt Nam: 26/7/2012. Ngày chính thức: 15/8/2013.
- **Quá trình công tác:**
- ✓ Từ 8/2004 - 7/2009: Kiểm toán viên Công ty TNHH Deloitte Việt Nam.
- ✓ Từ 8/2009 - 4/2010: Kế toán viên, Kế toán viên Phòng Tài chính Kế toán, Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng
- ✓ Từ 5/2010 - 10/2013: Phó phòng Tài chính Kế toán, Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng.
- ✓ Từ 11/2013 - 10/2019: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng.
- ✓ Từ 10/2019 - 10/2020: Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng.
- ✓ 10/2020 - đến nay: Phó Tổng Giám đốc, Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng.
- Số lượng CBCNV tính đến 31/12/2021: 851 người.
- Chế độ chính sách đối với người lao động:

- + Chính sách tiền lương: Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành lại Hệ thống thang lương, bảng lương và chế độ phụ cấp lương đối với người lao động. Công ty đã xây dựng và ban hành Quy chế về công tác lao động và tiền lương cho người lao động và tổ chức thực hiện, đảm bảo công bằng theo mức độ đóng góp của người lao động, khuyến khích người lao động nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả công việc, đảm bảo hài hòa các lợi ích của Công ty và người lao động.
- + Tiền lương bình quân người lao động năm 2021 là: 17,2 triệu đồng/người/tháng.
 - Quản trị nguồn nhân lực:
- + Công ty luôn chú trọng công tác quản trị nguồn nhân lực: Bổ nhiệm và bổ nhiệm lại một số cán bộ lãnh đạo quản lý; khuyến khích áp dụng các sáng kiến cải tiến kỹ thuật, bố trí nhân lực làm việc phù hợp với năng lực, trình độ chuyên môn; luôn quan tâm thường xuyên đến công tác đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.
 - Chính sách khác:
- + Công ty thường xuyên quan tâm đến đời sống vật chất, tinh thần của người lao động để người lao động có điều kiện tập trung sản xuất, công tác, nâng cao năng suất lao động, đảm bảo an toàn và hiệu quả; tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao...
 - Ngoài các chế độ theo quy định của pháp luật mà người lao động được hưởng, Công ty còn xây dựng ký kết Thỏa ước lao động tập thể trong đó có một số quyền lợi người lao động được hưởng cao hơn so với luật như:
 - + Thưởng cho các tập thể và cá nhân có thành tích đột xuất trong lao động sản xuất; thưởng cho các cá nhân có nhiều thành tích thông qua việc cho nghỉ công tác để đi tham quan nghỉ mát trong và ngoài nước.
 - + Công ty thực hiện chế độ làm việc 40h/tuần. Người lao động được nghỉ sớm 30 phút vào các ngày cuối tuần và ngày nghỉ lễ, Tết.
 - + Thực hiện một số chế độ khác có lợi cho người lao động.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn: Trong năm 2021, Công ty tổ chức triển khai thực hiện đầu tư 02 Dự án:

- Dự án Nâng cấp hệ thống xử lý khí thải NMNĐ Hải Phòng 1 và 2.
- Dự án: Xây dựng nhà hành chính tại nhà máy Nhiệt điện Hải Phòng 2.

b) Các công ty con, công ty liên kết: Công ty tham gia góp vốn vào Công ty dịch vụ sửa chữa Nhiệt điện miền Bắc (NPS) với tổng số cổ phần là 50.000 cổ phần (mệnh giá 10.000 đồng/ cổ phần), tương đương với tỷ lệ sở hữu: 0,417%

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2020 (tr. Đồng)	Năm 2021 (tr. Đồng)	% tăng giảm
* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng:			
Tổng giá trị tài sản	11.210.550	8.701.924	77,6
Doanh thu thuần	10.900.258	9.026.540	82,8

Chỉ tiêu	Năm 2020 (tr. Đồng)	Năm 2021 (tr. Đồng)	% tăng giảm
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	1.540.490	480.511	31,2
Lợi nhuận khác	-2.443	-853	34,9
Lợi nhuận trước thuế	1.538.047	479.658	31,2
Lợi nhuận sau thuế	1.469.804	455.432	31,0
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (dự kiến)	24,25%	8%	77,6

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	1,86	2,23	
+ Hệ số thanh toán nhanh: <u>TSLĐ - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	1,53	1,81	
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,38	0,28	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,61	0,40	
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho: <u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho bình quân	13,4	12,8	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,97	1,03	
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,135	0,050	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,212	0,073	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,131	0,052	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,141	0,053	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

- Tổng số cổ phần: 500.000.000 cổ phần (Năm trăm triệu cổ phần).
- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông.

b) Cơ cấu cổ đông: Căn cứ sổ cổ đông Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng chốt đến ngày 28/06/2021, cơ cấu cổ đông như sau:

- Theo tỷ lệ sở hữu: Cổ đông (4 nhà đầu tư) sở hữu từ 5% cổ phần trở lên, chiếm 93,18%. Cổ đông (1902 nhà đầu tư) sở hữu cổ phần dưới 5% chiếm 6,82%.
- Theo tổ chức: 15 cổ đông là tổ chức và 1891 cổ đông cá nhân. Trong đó có 18 cổ đông nước ngoài.

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu: Không.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không.

e) Các chứng khoán khác: Không.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1 Tác động lên môi trường

- Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp: 6.984.454 tấn Co₂

- Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính: Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì tổ máy vận hành đạt hiệu suất cao, tối ưu hóa nhiên liệu than đầu vào.

6.2 Quản lý nguồn nguyên vật liệu

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm:

- Than: 3,44 triệu tấn.

- Dầu FO: 12.499 tấn.

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: 0%.

6.3 Tiêu thụ năng lượng

a) Năng lượng điện sử dụng lấy từ hệ thống điện tự dùng của Nhà máy khi tổ máy đang phát điện hoặc mua điện từ lưới trong trường hợp ngừng dự phòng, sửa chữa.

o Điện lấy từ hệ thống tự dùng nhà máy: 670,28 triệu kWh.

o Điện lấy từ lưới điện: 13,11 triệu kWh.

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: 37,5 trkWh so với phương án giá điện (thực hiện đề án giảm điện tự dùng do vận hành tối ưu các hệ thống tự dùng trong nhà máy).

6.4 Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng.

Nguồn cung cấp nước từ hồ Đà Nẵng, lượng nước khoảng 8,83 triệu m³/năm.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng.

Lượng nước tái sử dụng (dùng nước thải để thải xỉ) chiếm tỷ lệ 37%, khoảng 3,2 triệu m³/năm.

6.5 Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không.

6.6 Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động bình quân: 853 lao động, mức lương trung bình đối với người lao động: 17,2 triệu đồng/người/tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

- *Chính sách lương*: Công ty đã ban hành lại Quy chế về công tác lao động và tiền lương đảm bảo phân phối thu nhập công bằng theo mức độ đóng góp của người lao

động, khuyến khích người lao động nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả công việc. Việc chi trả lương được thực hiện theo đúng quy định. Công ty thực hiện chế độ nâng lương cho cán bộ công nhân viên hàng năm và có sự quan tâm thường xuyên đến thu nhập, đời sống cán bộ công nhân viên.

- *Chính sách thưởng*: Nhằm khuyến khích động viên cán bộ công nhân viên trong Công ty gia tăng hiệu quả đóng góp, Công ty có chính sách thưởng dựa trên nguyên tắc gắn với kết quả và hiệu quả lao động đạt được. Công ty tổ chức bình bầu hàng quý để đánh giá kết quả lao động của nhân viên, việc xét thưởng sẽ thực hiện vào cuối năm căn cứ vào quá trình đạt được thành tích của cá nhân hoặc tập thể trong thực hiện công việc. Công ty cũng xét thưởng đột xuất cho cá nhân và tập thể có sáng kiến trong cải tiến phương pháp làm việc, có thành tích chống tiêu cực, lãng phí. Cuối năm, toàn thể Cán bộ Công nhân viên của Công ty đều được hưởng lương tháng thứ 13.

- *Phúc lợi*: hàng năm Công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho toàn bộ người lao động, tổ chức đi nghỉ mát, du lịch, duy trì phong trào văn hóa, thể dục, thể thao phù hợp với tình hình dịch bệnh.

c) Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên:

+ Tổng số giờ đào tạo: 3214 giờ.

+ Lượt người được đào tạo: 1739 lượt người.

+ Số giờ đào tạo trung bình: 1,84 giờ/người.

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp.

6.7 Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng:

Năm 2021, Công ty luôn chú trọng hỗ trợ gia đình chính sách, ủng hộ quỹ vì người nghèo, hưởng ứng, tham gia tích cực công tác an sinh, nhân đạo, từ thiện xã hội.

6.8 Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh của UBCKNN: Không có

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2021, tình hình cung cấp điện cho phát triển kinh tế - xã hội của ngành Điện nhìn chung không thuận lợi, có nhiều diễn biến phức tạp khó lường so với kế hoạch đặt ra: Tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp ở một số địa phương trên cả nước và trên toàn thế giới dẫn đến nền kinh tế có mức tăng trưởng thấp, nhu cầu điện năng không cao. Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng, chuyển đổi số trong bối cảnh khó khăn do tác động sâu rộng của đại dịch COVID - 19. Bên cạnh đó, việc triển khai kế hoạch sửa chữa lớn gặp khó khăn trong công tác lựa chọn nhà thầu, phải điều chỉnh lùi lịch đại tu tổ máy số 3 thêm 2 tháng; tiếp đó nhu cầu điện trên hệ thống giảm mạnh nhất là trong giai đoạn cách ly xã hội các tỉnh khu vực phía Nam gây thiệt hại rất lớn cho ngành điện và nền kinh tế, làm giảm nhu cầu điện năng. Trong năm, nhiều dự án

điện mặt trời được đưa vào khai thác thương mại. Đó là những nguyên nhân hệ thống hạn chế huy động các tổ máy nhiệt điện than.

Năm 2021, theo kế hoạch sản xuất Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng được giao tổng sản lượng điện sản xuất là 7,159 tỷ kWh.

Về sản lượng điện sản xuất hai nhà máy đạt 7,32 tỷ kWh, đạt 102,29% kế hoạch giao.

Về đầu tư xây dựng:

- Dự án Nâng cấp hệ thống xử lý khí thải NMNĐ Hải Phòng 1&2: Khởi động triển khai thực hiện Dự án.

Những tiến bộ Công ty đã đạt được

- Công ty đã sắp xếp mô hình tổ chức và bố trí lao động phù hợp với yêu cầu sản xuất, kinh doanh, bộ máy gọn nhẹ và năng động, nhiệm vụ chủ yếu hiện nay là sản xuất kinh doanh.

- Đã hoàn thành phê duyệt quyết toán dự án đầu tư xây dựng Nhà máy Nhiệt điện Hải Phòng 2.

- Tăng cường chú trọng hoàn thiện các Quy chế, Quy định trong tất cả các lĩnh vực hoạt động quản lý của Công ty, công tác quản lý của Công ty ngày càng đi vào nền nếp và có hiệu quả cao.

- Ý thức chấp hành kỷ luật lao động của người lao động được nâng cao, ngày càng có trách nhiệm với công việc và gắn bó với công ty.

- Tăng cường công tác tự kiểm soát và kiểm tra nội bộ trong các lĩnh vực hoạt động quản lý, sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng...

- Duy trì việc chấp hành các chế độ chính sách của Nhà nước, các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông cũng như của Hội đồng quản trị.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

- Tài sản của Công ty chủ yếu là tài sản dài hạn, trong đó có máy móc và thiết bị. Các tài sản đều tham gia vào hoạt động sản xuất của Công ty. Tổng tài sản của Công ty giảm so với đầu năm là 2.508,6 tỷ đồng, trong đó:

+ Nguyên nhân tăng/giảm của các chỉ tiêu tăng/giảm từ 10% trở lên và các trường hợp đặc biệt khác (trong đó tăng do đầu tư, mua sắm...): tài sản dài hạn giảm 1.274 tỷ đồng, trong đó, giá trị còn lại của tài sản cố định giảm 1.257,8 tỷ đồng do khấu hao trong năm. Tài sản ngắn hạn giảm 1.234,4 tỷ đồng, trong đó, tiền và tương đương tiền giảm 908,3 tỷ đồng, hàng tồn kho giảm 185,4 tỷ đồng, các khoản phải thu giảm 206,2 tỷ đồng.

+ Tỷ trọng tài sản ngắn hạn, dài hạn/Tổng tài sản, nhận xét, đánh giá mức độ hợp lý của việc phân bổ và xu hướng biến động: Tỷ trọng tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản là 34,09%, Tài sản dài hạn là 65,91%. Xu hướng, tỷ trọng tài sản ngắn hạn/

Tổng tài sản ngày càng tăng lên do giá trị tài sản dài hạn ngày càng giảm xuống do khấu hao.

- Hoạt động sản xuất kinh doanh điện của Công ty, điện năng bán trực tiếp cho Công ty Mua bán điện trực thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Việc thu hồi công nợ tiền điện tuân thủ quy định của hợp đồng mua bán điện.

b) Tình hình nợ phải trả

- Công nợ phải trả của công ty bao gồm: phải trả nhà cung cấp nguyên liệu, vật liệu phục vụ sản xuất kinh doanh, phải trả gốc vay ngắn và dài hạn, phải trả người lao động, chi phí phải trả về lãi vay và các khoản phải trả khác.

- Các khoản phải trả vốn vay của Công ty chủ yếu là các khoản vay USD và JPY, Công ty vay lại Tập đoàn điện lực Việt Nam khoản vay USD Ngân hàng Xuất nhập khẩu Trung Quốc (China Eximbank) và khoản vay JPY Ngân hàng hợp tác Quốc tế Nhật Bản (Jbic) nên Công ty sẽ phải chịu rủi ro của biến động tỷ giá hối đoái. Trong năm 2021, tỷ giá đồng USD và đồng JPY đều giảm so với đầu kỳ, do đó Công ty có lãi về chênh lệch tỷ giá 53,6 tỷ đồng.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Năm 2021, Công ty duy trì sự ổn định về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý, chú trọng công tác đào tạo phát triển nguồn nhân lực, nâng cao chất lượng lao động.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Duy trì vận hành an toàn - kinh tế các tổ máy phát điện, đảm bảo sản xuất phải bù đắp các chi phí; cổ tức dự kiến 8%.

- Nâng cao độ sẵn sàng của thiết bị trên cơ sở thực hiện tốt các chương trình sửa chữa, bảo dưỡng, trung tu, đại tu các tổ máy đúng hạn.

- Xây dựng hoàn thiện các định mức tiêu hao, chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật.

- Bồi huấn, bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực quản lý, vận hành và sửa chữa.

- Thực hiện chuyển đổi số ưu tiên tiết kiệm chi phí, giảm giá thành, nâng cao chất lượng bảo dưỡng thiết bị.

- Đẩy mạnh chương trình cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý.

- Phát triển bền vững thân thiện môi trường, tuân thủ các quy định của pháp luật về môi trường.

- Nâng cao chất lượng đời sống vật chất, tinh thần CBCNV.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:

Không có.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội

Sau khi đã xem xét toàn diện các mặt hoạt động của Công ty, HĐQT thống nhất đánh giá thực trạng công tác quản lý điều hành năm 2021 như sau:

- Hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 ổn định, hiệu quả. Các chỉ tiêu về sản lượng, doanh thu, chi phí, chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật cơ bản đạt yêu cầu, đóng góp cao vào ngân sách địa phương, có lãi và chia cổ tức ở mức cao cho các cổ đông.
- Các mặt quản lý được nâng cao, có chất lượng, công tác an ninh được giữ vững; góp phần vào đảm bảo an ninh năng lượng Quốc gia.
- Công tác an toàn, vệ sinh lao động, BVMT, PCCC, PCTT-TKCN đã được quan tâm, đáp ứng yêu cầu trong sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng.
- Đời sống văn hoá, tinh thần của CBCNV được quan tâm và nâng cao; Tích cực tham gia công tác an sinh xã hội được địa phương đánh giá cao.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty

- Ban Tổng Giám đốc đã có những chỉ đạo, điều hành bám sát kế hoạch sản xuất kinh doanh được cổ đông giao, bám sát chỉ đạo của HĐQT.
- Ban Tổng Giám đốc báo cáo kịp thời HĐQT để đưa ra các điều chỉnh về chiến lược sản xuất kinh doanh, xây dựng cơ bản đảm bảo phù hợp với yêu cầu thực tiễn.
- Ban Tổng Giám đốc đã phân công phụ trách cụ thể cho từng thành viên. Từng thành viên chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc lĩnh vực được phân công.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị bám sát và chỉ đạo để Ban điều hành đảm bảo thực hiện một số vấn đề trọng tâm:

- Hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định, hiệu quả. Các chỉ tiêu kinh tế, kỹ thuật đạt và tốt hơn định mức kế hoạch được giao; đảm bảo sản xuất phải an toàn; giữ gìn vệ sinh - môi trường.
- Tiết kiệm chi phí giảm giá thành, tăng tính cạnh tranh. Thực hiện tốt chiến lược chào giá điện, tận dụng tối đa các cơ hội phát điện trên thị trường; đảm bảo mục tiêu sản xuất có lãi.
- Sử dụng nguồn tài chính hợp lý và hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn bền vững.
- Chỉ đạo Ban điều hành xây dựng các qui chế, qui định, các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật phục vụ công tác quản lý.
- Triển khai mạnh mẽ đề án chuyển đổi số, trong năm 2021 đưa vào áp dụng một số lĩnh vực được xác định ưu tiên.
- Nâng cao trình độ quản trị doanh nghiệp theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại.
- Đảm bảo đời sống vật chất và tinh thần người lao động; Tham gia đầy đủ công tác an sinh xã hội.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

- a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

- Ông Tạ Công Hoan - Chủ tịch HĐQT .
- Ông Dương Sơn Bá - Thành viên HĐQT
- Ông Lê Minh Tuấn - Thành viên HĐQT.
- Ông Chu Thế Hoàng - Thành viên HĐQT.
- Ông Lê Ngọc Nam - Thành viên HĐQT.
- Ông Lê Văn Chính - Thành viên HĐQT.
- Ông Nguyễn Thường Quang - Thành viên HĐQT (nghỉ chế độ từ ngày 01/7/2021)

Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị:

Stt	Danh sách	Cổ phần sở hữu	Chức danh nắm giữ tại các tổ chức khác
1	Ông Tạ Công Hoan	10.000	
2	Ông Dương Sơn Bá	0	
3	Ông Lê Minh Tuấn	0	
4	Ông Chu Thế Hoàng	0	Phó Trưởng Ban quản lý rủi ro - Tổng Công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước
5	Ông Lê Ngọc Nam	0	Trưởng Ban Kiểm soát - Tổng Công ty điện lực Vinacomin
6	Ông Lê Văn Chính	0	Chủ tịch Công đoàn Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại

b) Các ban thuộc Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị không thành lập các ban.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Tổ chức 01 lần Đại hội Cổ đông thường niên ngày 22/4/2021.

Hội đồng quản trị thường xuyên tổ chức các cuộc họp định kỳ, bất thường và nhiều lần lấy ý kiến bằng văn bản để giải quyết các vấn đề sản xuất kinh doanh, đầu tư của Công ty kịp thời, hiệu quả. Cụ thể: Tổ chức họp định kỳ hàng quý (04 cuộc họp); 01 hội nghị lãnh đạo Công ty về bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc Công ty; thực hiện lấy ý kiến bằng văn bản (154 lần) thông qua và quyết định các tờ trình, báo cáo của Tổng Giám đốc để giải quyết các vấn đề sản xuất kinh doanh, đầu tư, tổ chức cán bộ... kịp thời, hiệu quả.

Việc giám sát của HĐQT với Ban Tổng Giám đốc cũng được thực hiện qua báo cáo hoạt động của Công ty gửi các thành viên HĐQT định kỳ theo tháng, quý, năm.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành:

Hội đồng quản trị có 04 thành viên độc lập không điều hành, trong đó: 01 thành viên HĐQT là ông Lê Minh Tuấn hoạt động chuyên trách tại Công ty; 03 thành viên HĐQT hiện đang hoạt động tại các đơn vị đầu tư, sản xuất kinh doanh điện là các ông ông Lê Văn Chính (Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại), ông Lê Ngọc Nam (Tổng Công ty điện lực Vinacomin); Thành viên còn lại là ông Chu Thế Hoàng (Tổng Công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước) là thành viên có kiến thức trong lĩnh vực đầu tư tài chính; Những thành viên HĐQT với những kiến thức, kinh nghiệm trong quản lý điều hành đã có nhiều đóng góp, chỉ đạo hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh của Công ty.

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty:

Các thành viên HĐQT Công ty đã tham gia các khóa học về Quản trị Doanh nghiệp.

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

TT	Danh sách	Cổ phần sở hữu	Chức danh nắm giữ tại các tổ chức khác
1.	Bà Phạm Thị Dung - Trưởng Ban kiểm soát	16.005	
2.	Bà Lê Thị Thủy - Thành viên	0	Phó Ban Tài chính, Tổng Công ty Điện lực Vinacomin
3.	Ông Trương Văn Thời - Thành viên	0	Phó Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ và giám sát tài chính - Tổng Công ty Phát điện 2
4.	Bà Nguyễn Ngọc Bảo Yến - Thành viên	0	Chuyên viên Ban Tổng hợp - Tổng Công ty Phát điện 2
5.	Ông Nguyễn Ngọc Anh - Thành viên	0	Chuyên viên Ban đầu tư 2, Tổng Công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước (SCIC)

b) Hoạt động của Ban kiểm soát: Ban kiểm soát đã thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Điều 123 Luật Doanh nghiệp và Điều 38 - Điều Lệ Công ty:

- Giám sát hoạt động của Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và Ban điều hành trong quản lý, điều hành Công ty, thực hiện các nhiệm vụ do Đại hội đồng cổ đông giao; Giám sát việc thực hiện Nghị quyết của HĐQT đối với Tổng Giám đốc và Ban điều hành.

- Kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ, trung thực, mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh, công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính năm 2021 của Ban lãnh đạo Công ty, việc tuân thủ Điều lệ, các quy chế, quy định của Công ty.

- Thẩm định Báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính của Công ty năm 2021.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Thù lao của thành viên HĐQT, BKS, Ban TGD của Công ty năm 2021:

TT	Nội dung	Số người bình quân	Số tháng	Mức tiền lương thù lao đồng/người/tháng	Mức tiền lương thù lao đồng/người/năm	Tổng số (đồng)
	Tổng tiền lương Thù lao HĐQT, BKS					2.384.482.000
1	Chủ tịch HĐQT chuyên trách	1	12	50.630.500	607.566.000	607.566.000
2	Tổng Giám đốc	1	12	48.816.500	585.798.000	585.798.000
3	Thành viên HĐQT chuyên trách	1	12	43.374.333	520.492.000	520.492.000
4	Thành viên HĐQT không chuyên trách	4,5	12	6.000.000	324.000.000	324.000.000
5	Trưởng ban kiểm soát chuyên trách	1	12	43.164.250	517.971.000	517.971.000
6	Thành viên ban kiểm soát không chuyên trách	4	12	5.000.000	240.000.000	240.000.000

b) Giao dịch cổ phiếu cổ đông nội bộ: Không.

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không.

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty: do Thư ký Công ty cung cấp. Công tác quản trị của Công ty đã thực hiện theo các qui định của pháp luật, của Công ty.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán: Xem phụ lục ý kiến kèm theo.
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán: Xem phụ lục báo cáo kèm theo./.

Nơi nhận:

- UBCKNN (bản giấy);
- Sở GD chứng khoán Hà Nội (bản giấy);
- <http://www.ndhp.com.vn>;
- Lưu: VT, KHVT, HCLĐ, TCKT.

TỔNG GIÁM ĐỐC

Dương Sơn Bá